**ĐẠI HỌC QUỐC GIA – TP. HCM**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN**

**BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẢO SÁT**

**SINH VIÊN VỀ MÔN HỌC LÝ THUYẾT**

**HỌC KỲ I, NĂM HỌC 2016 - 2017**

***Tp. Hồ Chí Minh, tháng 3 năm 2017***

**A. TỔNG QUAN**

**1. Mục đích khảo sát**

* Góp phần thực hiện Quy chế dân chủ trong Nhà trường; xây dựng đội ngũ giảng viên (GV) có phẩm chất đạo đức, lương tâm nghề nghiệp và trình độ chuyên môn cao, phương pháp và phong cách giảng dạy tiên tiến, hiện đại;
* Tạo thêm kênh thông tin từ phía người học giúp GV tự điều chỉnh hoạt động giảng dạy của mình nhằm không ngừng nâng cao tinh thần trách nhiệm, trình độ chuyên môn trong việc thực hiện mục tiêu đào tạo của Nhà trường;
* Tăng cường tinh thần trách nhiệm của người học với quyền lợi, nghĩa vụ học tập, rèn luyện của bản thân, tạo điều kiện để người học được phản ánh tâm tư, nguyện vọng, được thể hiện chính kiến về hoạt động giảng dạy của GV;
* Góp phần triển khai công tác tự đánh giá - kiểm định chất lượng trong nhà trường;
* Giúp cán bộ quản lý cấp Trường, Khoa/Ban có thêm cơ sở nhận xét, đánh giá GV, phân công giảng dạy, có kế hoạch bồi dưỡng, bố trí công tác, khen thưởng kỷ luật với GV.

1. **Quy trình khảo sát**
   1. **Đối tượng và phạm vi áp dụng**

Sinh viên (SV) hệ đào tạo chính quy, cử nhân tài năng, chương trình tiên tiến, chương trình chất lượng cao của trường Đại học Công nghệ Thông tin, ĐHQG-HCM

* 1. **Hình thức**

Khảo sát trực tuyến, hệ thống khảo sát gửi link khảo sát [https://student.uit.edu.vn](https://student.uit.edu.vn/) đến từng SV theo danh sách môn học đã đăng ký, SV hoàn thành phiếu khảo sát theo hướng dẫn.

**2.3. Thời gian thực hiện**

* Thời gian khảo sát: 23/12/2016 – 20/01/2017
* Xử lý số liệu và tách dữ liệu: 06/02/2017 – 20/02/2017
* Viết báo cáo: 21/02/2017 – 07/03/2017

**2.4. Công cụ khảo sát**

Để xây dựng phiếu khảo sát, phòng TT-PC-ĐBCL đã tham khảo nhiều mẫu khảo sát của các trường đại học khác, đồng thời phiếu khảo sát đã được ý kiến đóng góp của các CB-GV-NV trong trường.

Bảng khảo sát môn học lý thuyết gồm 16 câu hỏi tập trung đánh giá các nhóm nội dung về: Hình thức tổ chức môn học; hoạt động giảng dạy của GV; hình thức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập; mức độ hài lòng với môn học. Các câu hỏi trong bảng khảo sát được xây dựng trên thang đo Likert với 4 mức độ:

* *Mức 1:* Chưa Tốt/Hài lòng 1 điểm
* *Mức 2:* Bình thường 2 điểm
* *Mức 3:* Tốt/Hài lòng 3 điểm
* *Mức 4:* Rất Tốt/Hài lòng 4 điểm

**B. KẾT QUẢ KHẢO SÁT**

**1. Số lượng SV thực hiện khảo sát theo môn học đăng ký**

Quy định về việc SV thực hiện khảo sát môn học (*bao gồm các môn học lý thuyết, thực hành PT 1, thực hành PT 2*) như sau: SV đăng ký <= 4 môn học, phải thực hiện khảo sát tất cả môn học đăng ký; SV đăng ký > 4 môn học, thực hiện khảo sát ít nhất 50% số môn học đăng ký.

Kết quả thu được từ 3203/4231 SV (75.7%) tham gia khảo sát ở HKI năm học 2016-2017 cho thấy phần lớn SV đều thực hiện khảo sát 100% môn học đã đăng ký, chỉ có 7 SV đăng ký <= 4 môn học (0.9%) và 36 SV đăng ký > 4 môn học (1.5%) thực hiện khảo sát dưới 50% số môn học đăng ký.

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tỉ lệ môn học  đã thực hiện** | **SV đăng ký <= 4 môn học**  **(N= 736)** | | **SV đăng ký > 4 môn học**  **(N= 2467)** | |
| *Số lượng* | *Tỉ lệ (%)* | *Số lượng* | *Tỉ lệ (%)* |
| **100%** | 723 | 98.2 | 2381 | 96.5 |
| **50% - <100%** | 7 | 0.9 | 50 | 2.0 |
| **< 50%** | 7 | 0.9 | 36 | 1.5 |

*Bảng 1. Số lượng SV thực hiện khảo sát theo môn học*

1. **Thực trạng số phiếu và thông tin chung đã khảo sát**

Theo thống kê từ Phòng Đào tạo Đại học, học kỳ I năm học 2016- 2017 toàn trường có 131 môn học (389 lớp) với 171 GV tham gia giảng dạy, số lượt SV đăng ký các môn học là 17071 lượt. Sau đây là bảng thống kê chi tiết tình hình khảo sát.

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Khoa/ Bộ môn** | **Số lượng  môn học** | | **Số lượng lớp** | | **Số lượng  Giảng viên** | | **Số lượng Sinh viên** | | |
| *Theo TKB* | *Thực tế khảo sát* | *Theo TKB* | *Thực tế khảo sát* | *Theo TKB* | *Thực tế khảo sát* | *Theo TKB* | *Thực tế khảo sát* | *Tỉ  lệ (%)* |
| BMAV | 6 | 6 | 35 | 35 | 11 | 11 | 1429 | 1146 | **80.2** |
| BMTL | 6 | 6 | 74 | 74 | 11 | 11 | 4496 | 3391 | **75.4** |
| CNPM | 17 | 17 | 39 | 39 | 17 | 17 | 2499 | 1781 | **71.3** |
| HTTT | 41 | 41 | 72 | 72 | 43 | 43 | 3020 | 2305 | **76.3** |
| KHMT | 17 | 17 | 41 | 41 | 21 | 21 | 2325 | 1749 | **75.2** |
| KTMT | 14 | 14 | 37 | 37 | 20 | 20 | 1946 | 1489 | **76.5** |
| KH&KTTT | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 332 | 297 | **89.5** |
| MMT&TT | 20 | 20 | 51 | 51 | 19 | 19 | 2939 | 2410 | **82.0** |
| PĐTĐH | 5 | 5 | 35 | 35 | 24 | 24 | 2811 | 2296 | **81.7** |
| **Tổng cộng** | **131** | **131** | **389** | **389** | **171** | **171** | **21797** | **16864** |  |
| **Tỉ lệ (%)** |  | **100** |  | **100** |  | **100** |  | **77.4** |  |

*Bảng 2. Thống kê về thực trạng số phiếu khảo sát*

*Biểu đồ 1. Số lượt SV theo đăng ký và thực tế trả lời qua các năm*

**Học lực của SV:**

*Biểu đồ 2. Học lực của SV* (%)

**Thời gian lên lớp của SV:**

*Biểu đồ 3. Thời gian lên lớp của SV (%)*

1. **Kết quả khảo sát**

**3.1. SV đánh giá các tiêu chí về hoạt động giảng dạy của GV**

Trong 389 lớp học đã khảo sát, có 371 lớp (95.4%) có từ 50% SV trở lên tham gia khảo sát; 18 lớp (4.6%) có dưới 50% SV tham gia khảo sát.

Phần báo cáo dưới đây không thể hiện các lớp có tỉ lệ SV tham gia khảo sát dưới 50%. Kết quả chi tiết các lớp này được thể hiện trong Sheet “ĐTB các lớp <50%” và Sheet “Tỉ lệ đánh giá các lớp <50%”.

Bảng câu hỏi dành cho môn học lý thuyết gồm có 16 câu hỏi (tiêu chí). Kết quả khảo sát về hoạt động giảng dạy của GV được trình bày dưới dạng mô tả tỷ lệ SV trả lời theo từng tiêu chí thể hiện ở bảng sau:

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tiêu chí (Câu hỏi)** | **Không  ý kiến** | **Chưa tốt/ Hài lòng** | **Bình thường** | **Tốt/ Hài lòng** | **Rất tốt/ Hài lòng** |
| 1 | Phòng học/thí nghiệm và trang thiết bị đáp ứng yêu cầu giảng dạy và học tập |  | | | | |
| 2 | Giáo trình, bài giảng và tài liệu phục vụ môn học được cung cấp đầy đủ và cập nhật trên hệ thống Moodle |  | | | | |
| 3 | Giảng viên hướng dẫn Anh/Chị phương pháp học tập chủ động và tạo động cơ học tập suốt đời |  | | | | |
| 4 | Giảng viên trình bày các vấn đề trong môn học mang tính cập nhật, chuẩn xác và có liên hệ thực tiễn |  | | | | |
| 5 | Phương pháp giảng dạy của giảng viên giúp Anh/Chị hiểu được và vận dụng được kiến thức |  | | | | |
| 6 | Giảng viên có khả năng truyền đạt tốt |  | | | | |
| 7 | Giảng viên đảm bảo giờ lên lớp |  | | | | |
| 8 | Giảng viên sử dụng giờ lên lớp hiệu quả |  | | | | |
| 9 | Giảng viên giảng dạy tuân thủ theo đề cương môn học |  | | | | |
| 10 | Giảng viên tận tâm, nhiệt tình |  | | | | |
| 11 | Giảng viên sử dụng thiết bị, đồ dùng dạy học hợp lý, hiệu quả |  | | | | |
| 12 | Giảng viên sử dụng Hệ thống Moodle để thảo luận và hỗ trợ SV trong quá trình học |  | | | | |
| 13 | Giảng viên đánh giá đúng, công bằng kết quả học tập của Anh/Chị |  | | | | |
| 14 | Nội dung kiểm tra/thi tổng hợp được kiến thức/kỹ năng của môn học |  | | | | |
| 15 | Kết thúc môn học, Anh/Chị được trang bị kiến thức và kỹ năng như mục tiêu môn học |  | | | | |
| 16 | Mức độ hài lòng của Anh/Chị về chất lượng giảng dạy môn học |  | | | | |

*Bảng 3. Tỷ lệ SV đánh giá theo từng tiêu chí (%)*

Nhìn chung, không có sự cách biệt nhiều về tỷ lệ SV đánh giá Tốt/hài lòng và Rất tốt/hài lòng (*gọi chung là Hài lòng*) giữa các tiêu chí với nhau. Tất cả các tiêu chí đều có trên 80% SV hài lòng (**81.1% - 88.8%**) Tỷ lệ này giảm không đáng kể so với kết quả thu được của năm học 2015-2016: HKI (**82.4% - 89.4%**) và HKII (**83.8% - 89.4%**). Trong đó:

* Tiêu chí 9- *Giảng viên giảng dạy tuân thủ theo đề cương môn học* (88.8%) tiếp tục là tiêu chí được SV hài lòng cao nhất qua nhiều đợt khảo sát;
* Tiếp theo là nhóm các tiêu chí 7, 8, 10, 11, 13, 14 có tỷ lệ SV hài lòng cao, tương đối ổn định qua các đợt khảo sát (88.1% - 86.5%);
* 85.9% là tỷ lệ SV hài lòng về chất lượng giảng dạy của môn học;
* Các tiêu chí còn lại có mức hài lòng từ 83.4% - 85.9% tập trung đánh giá về phương pháp giảng dạy của GV, về phòng ốc, trang thiết bị, giáo trình, tài liệu phục vụ môn học,…;
* Tiêu chí 12- *Giảng viên sử dụng Hệ thống Moodle để thảo luận và hỗ trợ Anh/Chị trong quá trình học* có tỷ lệ hài lòng thấp nhất (81.1%)*.* Kết quả này cũng được SV phản ánh trong phần ý kiến thêm là ngoài thời gian lên lớp, một số GV chưa nhiệt tình, chủ động giải đáp thắc mắc, giúp đỡ khi có yêu cầu từ SV thông qua hệ thống Moodle của Trường.

Từ HKII năm học 2014-2015 đến nay, tất cả tiêu chí đánh giá về hoạt động giảng dạy của GV ở các môn lý thuyết luôn có tỷ lệ hài lòng trên 80% Đây là dấu hiệu cho thấy sự cải tiến trong giảng dạy của GV so với những năm học trước đó. Tuy nhiên, để nâng cao mức độ hài lòng của người học, đòi hỏi GV phải không ngừng cải tiến, đổi mới phương pháp giảng dạy và tăng cường sự liên hệ để kịp thời hỗ trợ cho SV.

Sau đây là biểu đồ phân bố điểm trung bình, cao nhất và thấp nhất của 16 tiêu chí theo kết quả đánh giá của 389 lớp ở học kỳ này và ở HKII, 2015-2016:

*Biểu đồ 4. Điểm trung bình, min, max của 16 tiêu chí*

*Biểu đồ 5. Điểm trung bình, min, max của 16 tiêu chí HKII, 2015-2016*

***3.2. Điểm trung bình theo lớp của GV dựa trên hoạt động giảng dạy***

Điểm trung bình của từng GV theo lớp được đính kèm trong phần Phụ lục.

- Xét từng tiêu chí: Có 301 GV (81.1%) được SV đánh giá >=3 điểm ở tất cả các tiêu chí; 3 GV (0.8%) có điểm đánh giá <3 ở tất cả các tiêu chí là: GV Vũ Trí Dũng (SS004.H12); GV Chung Quang Khánh (CE103.H12); GV Đỗ Duy Thanh (IS336.H12).

- Xét trung bình 16 tiêu chí: Có 358 GV (96.5%) có điểm trung bình >= 3.0 điểm (mức Hài lòng/Tốt); 13 GV (3.4%) có điểm trung bình <3.0 điểm. Trong đó, điểm trung bình cao nhất là 3.9, thấp nhất là 2.4 của GV Lê Lam Sơn (CS3363.H11.CTTT).

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **HKI,  2016-2017** | | **HKII,  2015-2016** | | **HKI,  2015-2016** | |
| **SL** | **Tỷ lệ %** | **SL** | **Tỷ lệ %** | **SL** | **Tỷ lệ %** |
| 1 | Điểm tất cả các tiêu chí >=3.0 | 301 | 81.1 | 249 | 83 | 248 | 81.8 |
| 2 | Điểm tất cả các tiêu chí <3.0 | 3 | 0.8 | 1 | 0.3 | 3 | 1 |
| 3 | Điểm trung bình <3.0 | 13 | 3.4 | 12 | 4 | 9 | 2.9 |
| 4 | Điểm trung bình từ 3.0 đến dưới 3.5 | 162 | 43.7 | 198 | 66 | 165 | 54.3 |
| 5 | Điểm trung bình từ 3.5 đến 4.0 | 196 | 52.9 | 90 | 30 | 130 | 42.8 |
| 6 | Điểm trung bình cao nhất | 3.9 | | 3.9 | | 3.9 | |
| 7 | Điểm trung bình thấp nhất | 2.4 | | 2.7 | | 2.5 | |

*Bảng 4. Tóm tắt mức điểm trung bình của GV*

* 1. **Ý kiến thêm**

Các góp ý về hoạt động giảng dạy của GV, xem chi tiết trong sheet “TH ý kiến các lớp>=50%”.

Học kỳ I, năm học 2016-2017 có tổng cộng 3186 lượt ý kiến cho biết những điều hài lòng và không hài lòng của SV về hoạt động giảng dạy của GV. Trong đó:

* Có 2962 ý kiến của SV cho biết hài lòng về thái độ giảng dạy của GV (“nhiệt tình”, “vui vẻ”, tận tâm”, “hỗ trợ”…); về phương pháp giảng dạy (“dễ hiểu”, “đổi mới”, “sinh động”, “truyền đạt tốt”, “dễ tiếp thu”…); về nội dung môn học (“cập nhật”, “thiết thực”, “tính thực tiễn”…); GV “sử dụng giờ lên lớp hiệu quả”, chỉ dạy nhiều bài học về kỹ năng, về môi trường làm việc thực tế.
* Có 854 ý kiến của SV không hài lòng tập trung một số điểm: “dạy quá nhanh”, “khó hiểu”; khả năng truyền đạt của GV chưa tốt; “ít ví dụ”, chưa giải bài tập nhiều; GV ít tương tác khi SV cần trao đổi qua email, điện thoại; GV còn phụ thuộc nhiều vào slide; tình trạng “trễ giờ”, “dạy quá giờ” của các GV vẫn được SV phản ánh;…
* Ngoài ra, có một số ý kiến SV phản ánh giảng đường, phòng học quá nóng, máy tính tốc độ chậm, máy chiếu không nhìn rõ.

Từ biểu đồ 6, có thể thấy bên cạnh việc tham gia đầy đủ các khảo sát, SV đã ngày càng quan tâm đóng góp ý kiến về những điều hài lòng và chưa hài lòng đối với hoạt động giảng dạy của GV.

*Biểu đồ 6. Số lượt ý kiến thêm qua các đợt khảo sát gần đây*

**C. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ**

1. **Kết luận**

Học kỳ I, năm học 2016-2017, phòng TT-PC-ĐBCL phối hợp cùng phòng DL-CNTT đã khảo sát và xử lý kết quả khảo sát với 389/389 lớp, đạt tỉ lệ 100%. Trong đó, 371 lớp (95.4%) có >= 50% SV tham gia khảo sát và 18 lớp (4.6%) có <50%SV tham gia. So với nhiều học kỳ trước, các lớp có tỷ lệ khảo sát <50% đã giảm rất nhiều.

Tất cả tiêu chí khảo sát đều được SV đánh giá hài lòng trên 80%, tỷ lệ này ổn định qua nhiều học kỳ gần đây. Một số tiêu chí có mức độ hài lòng cao như: tiêu chí 9- *Giảng viên giảng dạy tuân thủ theo đề cương môn học*, tiêu chí 7- *Giảng viên đảm bảo giờ lên lớp*, tiêu chí 10- *Giảng viên tận tâm, nhiệt tình*,…

Kết quả đánh giá đối với GV, điểm trung bình thấp nhất là 2.4 và cao nhất là 3.9 điểm. 96.6% GV có điểm trung bình từ 3 điểm trở lên (**2015-2016**: HKII (96%), HKI (97.4%); **2014-2015**: HKII (91.4%), HKI (60.6%).

Có 2962/3186 ý kiến thêm của SV cho biết hài lòng về hoạt động giảng dạy của GV. Tuy nhiên, còn tồn tại một số nội dung cần cải thiện để nâng cao sự hài lòng của người học. Những ý kiến về cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ học tập hầu như rất ít.

1. **Kiến nghị**

Để các học kỳ sau hoạt động khảo sát tiếp tục có kết quả tốt, SV tham gia khảo sát đông hơn, phòng TT-PC-ĐBCL khuyến nghị Nhà trường thực hiện những điều sau:

* GV tham khảo kết quả khảo sát nhằm điều chỉnh, nâng cao hoạt động giảng dạy của mình để nâng số lượng môn học được SV đánh giá tốt lên;
* Tiếp tục đẩy mạnh công tác truyền thông để SV hiểu rõ tầm quan trọng của hoạt động khảo sát và tích cực tham gia, tham gia có trách nhiệm;
* Nhà trường tiếp tục duy trì việc kiểm tra và chỉ đạo khắc phục công tác liên quan đến cơ sở vật chất, trang thiết bị để đáp ứng tốt hơn yêu cầu giảng dạy và học tập;
* Khoa/ bộ môn cần được sử dụng kết quả từ khảo sát để cải tiến chất lượng giảng dạy. Đồng thời có kế hoạch, giải pháp đối với các GV có nhiều SV phản ánh, không hài lòng và không tiến bộ qua các học kỳ;
* Duy trì việc giải đáp các thắc mắc của SV, phản hồi về việc sử dụng kết quả khảo sát đến toàn thể SV để SV biết được những ý kiến, đánh giá của mình đã được sử dụng và Nhà trường có cải tiến sau mỗi năm/học kỳ. Từ đó SV nhìn nhận, đánh giá ngày càng tốt hơn về Trường.
* Có hình thức khen thưởng, tuyên dương các GV giảng dạy có điểm đánh giá đánh và nhận xét tốt qua nhiều học kỳ, nhằm nhân rộng gương điển hình tạo động lực cho các GV khác học tập và noi theo.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **PHÒNG TT-PC-ĐBCL**  **PHỤ TRÁCH PHÒNG**  **(Đã ký)**  **Trịnh Thị Mỹ Hiền** |